

Số: 270/BC-TTYT

Lái Thiêu, ngày 11 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

**Kiểm tra, giám sát chỉ đạo tuyến công tác Dân số 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**

Thực hiện kế hoạch số 98/KH-TTYT ngày 14/7/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Thuận An về kiểm tra, giám sát chỉ đạo tuyến công tác dân số 6 tháng đầu năm 2025.

Phòng Dân số, Truyền thông và GDSK tổ chức kiểm tra, giám sát chỉ đạo tuyến công tác dân số 6 tháng đầu năm 2025 tại 10 xã/phường, kết quả như sau:

I. THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM:

1. Công tác tổ chức, xây dựng kế hoạch, tham mưu:

- Có tham mưu với lãnh đạo UBND xã/phường trong việc kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo Dân số và Phát Triển; củng cố và phát triển mạng lưới cộng tác viên.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác Dân số năm 2025.

2. Công tác truyền thông:

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với ban ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền Dân số và Phát triển năm 2025; kế hoạch các đề án về nâng cao chất lượng dân số (tuyên truyền đề án MCBGT khi sinh, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; Tiền hôn nhân ...)
- Có phối hợp với Đài phát thanh phường tuyên truyền trên loa đài, lịch phát, tin bài đầy đủ.
- Có xây dựng kế hoạch tuyên truyền Ngày Thalaasemina 08/5, kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới 11/7.
- Về hoạt động của CLB không sinh con thứ ba: Có kiện toàn và quy chế hoạt động của CLB (An Thạnh chưa kiện toàn quyết định thành lập CLB); có tổ chức sinh hoạt CLB theo quy định (An Phú chưa tổ chức sinh hoạt theo quy định).

3. Công tác quản lý PTTT miễn phí – TTXH và XHH PTTT (theo đề án 818)

- Về PTTT miễn phí: không có
- Về TTXH và XHH PTTT (theo đề án 818): 6 tháng năm 2025 không tổ chức thực hiện.

4. Công tác báo cáo thông kê chuyên ngành và cập nhật thông tin vào sổ quản lý hộ gia đình (sổ A0)

- Báo cáo tháng, quý gửi đầy đủ nhưng còn một số cộng tác viên gửi báo cáo đúng thời gian quy định.

- Chất lượng báo cáo chưa đảm bảo.

- Cập nhật thông tin dân số-KHHGD chưa đầy đủ, kịp thời.

5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giao năm 2025:

5.1. Điều chỉnh mức sinh (+0,35‰):

Stt	Đơn vị	Tỷ suất sinh 6 tháng năm 2024			Tỷ suất sinh 6 tháng năm 2025			+/- (‰)
		Dân số	Trẻ sinh	‰	Dân số	Trẻ sinh	‰	
1	An Thạnh	39.843	160	4,02	38.009	139	3,66	-0,36
2	Lái Thiêu	69.349	226	3,26	68.449	251	3,67	+0,41
3	An Phú	117.272	503	4,29	101.239	383	3,78	-0,51
4	An Sơn	10.393	48	4,62	9.523	49	5,14	+0,52
5	Bình Chuẩn	92.067	411	4,46	96.367	373	3,87	-0,59
6	Bình Hòa	116.145	456	4,18	108.882	628	5,77	+1,59
7	Bình Nhâm	27.465	68	2,47	28.491	94	3,30	+0,83
8	Hưng Định	15.778	43	2,73	15.475	68	4,39	+1,66
9	Thuận Giao	128.142	525	4,19	115.141	486	4,22	+0,03
10	Vĩnh Phú	32.625	134	4,11	31.796	128	4,03	-0,08

5.2. Tỷ số giới tính khi sinh: (103 – 107 nam/100 nữ)

Stt	Đơn vị	Tỷ số giới tính khi sinh 6 tháng		Thực hiện	Kết quả
		Nam	Nữ		
1	An Thạnh	77	66	111 nam/100 nữ	Mất cân bằng
2	Lái Thiêu	126	125	100 nam/100 nữ	Mất cân bằng
3	An Phú	204	179	114 nam/100 nữ	Mất cân bằng
4	An Sơn	23	26	88 nam/100 nữ	Mất cân bằng
5	Bình Chuẩn	215	458	121 nam/100 nữ	Mất cân bằng
6	Bình Hòa	332	296	112 nam/100 nữ	Mất cân bằng
7	Bình Nhâm	45	49	92 nam/100 nữ	Mất cân bằng
8	Hưng Định	31	37	84 nam/100 nữ	Mất cân bằng
9	Thuận Giao	248	238	104 nam/100 nữ	Bình thường
10	Vĩnh Phú	62	64	94 nam/100 nữ	Mất cân bằng

5.3. Sàng lọc trước sinh (70%) – sàng lọc sơ sinh (90%):

Stt	Đơn vị	Sàng lọc trước sinh			Sàng lọc sơ sinh		
		QLT	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Trẻ sinh	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	311	211	67,85	139	88	63,31
2	Lái Thiêu	441	261	59,18	251	118	47,01
3	An Phú	479	121	25,26	383	261	68,15
4	An Sơn	86	86	100	49	20	40,82
5	Bình Chuẩn	603	352	58,37	373	189	50,67
6	Bình Hòa	993	661	65,57	628	427	67,99
7	Bình Nhâm	130	27	20,80	94	38	40,40
8	Hưng Định	116	46	39,60	68	43	63,24
9	Thuận Giao	626	337	53,83	486	258	53,09
10	Vĩnh Phú	285	244	85,61	128	102	79,69

5.4. Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (90%):

Stt	Đơn vị	Số cặp nam, nữ kết hôn		
		Tổng	Tư vấn	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	39	25	64,10
2	Lái Thiêu	88	57	64,77
3	An Phú	32	13	59,09
4	An Sơn	17	13	76,47
5	Bình Chuẩn	89	58	65,17
6	Bình Hòa	89	58	65,17
7	Bình Nhâm	36	18	50,00
8	Hưng Định	18	12	66,67
9	Thuận Giao	63	46	77,78
10	Vĩnh Phú	66	52	78,79

5.5. Thực hiện chỉ tiêu KHHGD:

Stt	Đơn vị	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	721	444	61,50
2	Lái Thiêu	2.224	1.474	66,28
3	An Phú	1.773	1.084	61,14
4	An Sơn	116	74	63,79
5	Bình Chuẩn	1.763	1.172	66,48
6	Bình Hòa	2.234	1.133	50,72
7	Bình Nhâm	418	244	58,37
8	Hưng Định	381	236	61,94
9	Thuận Giao	2.249	760	33,79
10	Vĩnh Phú	721	452	62,69

5.6. Chăm sóc Người cao tuổi (95%):

Stt	Đơn vị	Tổng	NCT được khám sức khỏe	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	3.605	1.361	37,75
2	Lái Thiêu	5.264	2.706	51,41
3	An Phú	1.296	584	45,06
4	An Sơn	1.587	403	25,39
5	Bình Chuẩn	3.317	2.965	89,39
6	Bình Hòa	2.580	907	35,16
7	Bình Nhâm	2.381	750	31,50
8	Hưng Định	1.199	637	53,13
9	Thuận Giao	4.108	805	19,60
10	Vĩnh Phú	2.408	1.071	44,48

II. THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 8 (theo Quyết định 1300/QĐ/BYT ngày 09/3/2023 Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030)

1. Chỉ tiêu 36: Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại – Mức cao, vùng 1: từ 70% trở lên:

Stt	Đơn vị	PN 15-49 tuổi có chồng	PN 15-49 tuổi có chồng sử dụng BPTT hiện đại	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	5.035	3.419	67,90
2	Lái Thiêu	8.558	6.903	80,66
3	An Phú	15.515	11.323	71,05
4	An Sơn	1.346	864	64,19
5	Bình Chuẩn	11.614	8.383	72,18
6	Bình Hòa	17.000	11.933	70,18
7	Bình Nhâm	2.665	1.764	66,10
8	Hưng Định	3.182	2.231	70,11
9	Thuận Giao	22.446	18.388	81,92
10	Vĩnh Phú	5.747	4.679	81,42

2. Chỉ tiêu 37: Tăng dân số tự nhiên – mức thấp, vùng 1: Dưới 10‰

Stt	Đơn vị	Trẻ sinh 6 tháng	Tử vong 6 tháng	Dân số	‰
1	An Thạnh	139	67	38.009	1,89
2	Lái Thiêu	251	83	68.449	2,45
3	An Phú	383	36	101.239	3,43
4	An Sơn	49	19	9.523	3,15
5	Bình Chuẩn	373	41	96.367	3,45

6	Bình Hòa	628	17	108.882	5,61
7	Bình Nhâm	94	54	28.491	1,40
8	Hưng Định	68	35	15.473	2,13
9	Thuận Giao	486	27	115.141	3,99
10	Vĩnh Phú	128	28	31.796	3,15

3. Chỉ tiêu 38: Tỷ lệ PN sinh con thứ 3 trở lên – mức thấp, vùng 1: Dưới 5%

Stt	Đơn vị	Con thứ 3 trở lên	Trẻ sinh 6 tháng	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	04	139	2,88
2	Lái Thiêu	06	251	2,39
3	An Phú	07	383	1,83
4	An Sơn	01	49	2,04
5	Bình Chuẩn	03	373	0,80
6	Bình Hòa	58	628	9,24
7	Bình Nhâm	02	94	2,13
8	Hưng Định	01	68	1,47
9	Thuận Giao	24	486	4,94
10	Vĩnh Phú	06	128	4,69

4. Chỉ tiêu 39: Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 2 con – mức cao trên 60%

Stt	Đơn vị	PN sinh 6 tháng	PN sinh đủ 02 con	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	139	56	40,29
2	Lái Thiêu	251	154	61,35
3	An Phú	383	242	63,19
4	An Sơn	49	34	69,39
5	Bình Chuẩn	373	248	66,49
6	Bình Hòa	628	359	57,17
7	Bình Nhâm	94	66	70,21
8	Hưng Định	68	42	61,76
9	Thuận Giao	486	366	75,31
10	Vĩnh Phú	128	79	61,72

5. Chỉ tiêu 40: Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi

Stt	Đơn vị	Số Người cao tuổi		
		Tổng	NCT được khám sức khỏe	Tỷ lệ (%)
1	An Thạnh	3.605	1.361	37,75
2	Lái Thiêu	5.264	2.706	51,41
3	An Phú	1.296	584	45,06

4	An Sơn	1.587	403	25,39
5	Bình Chuẩn	3.317	2.965	89,39
6	Bình Hòa	2.580	907	35,16
7	Bình Nhâm	2.381	750	31,50
8	Hưng Định	1.199	637	53,13
9	Thuận Giao	4.108	805	19,60
10	Vĩnh Phú	2.408	1.071	44,48

6. Chỉ tiêu 41: Xã có triển khai hoặc phối hợp tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; **Chỉ tiêu 42:** Tư vấn về tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh, trước sinh; **Chỉ tiêu 43:** Tư vấn, khám sức khỏe Tiền hôn nhân.

Các xã/phường đều xây dựng kế hoạch phối hợp với các ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức tuyên truyền cung cấp các nội dung về nâng cao chất lượng dân số như: các biện pháp nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tầm quan trọng trong việc tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh, trước sinh; Tư vấn, khám sức khỏe Tiền hôn nhân; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi ...

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

- Được sự quan tâm của cấp ủy, UBND, Trưởng Trạm Y tế, xã/phường đối với công tác dân số, truyền thông và GDSK.

- Cán bộ dân số xã tham mưu lãnh đạo UBND, Trạm Y tế về kiện toàn BCD dân số và phát triển; củng cố, kiện toàn, phát triển mạng lưới cộng tác viên.

- Có sự phối kết hợp với ban ngành, đoàn thể trong việc tổ chức cung cấp thông tin về dân số và phát triển, phòng chống bệnh tật ...

- Sự nhiệt tình, tích cực của cán bộ dân số, cộng tác viên dân số xã phường trong thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh những thuận lợi còn một số hạn chế:

- Thay đổi cơ cấu tổ chức (thực hiện chính quyền 2 cấp), có sự dao động ở một số xã/phường.

- Tổ chức họp giao ban cộng tác viên chưa thật sự nghiêm túc. Cộng tác viên một số xã/phường tham gia không đầy đủ.

- Tình hình thu thập, cập nhật thông tin vào sổ quản lý hộ gia đình (sổ Ao) của cộng tác viên chưa kịp thời, đầy đủ.

- Tình hình phát triển mạng lưới cộng tác viên còn thiếu nhiều, tập trung ở một số phường đông dân, như: An Phú, Bình Chuẩn, Bình Hòa, Thuận Giao (có nguyên nhân khách quan là Chi cục Dân số tỉnh không cung cấp phiếu thu thập thông tin từ quý IV/2023).

- Tình hình thu thập, quản lý người cao tuổi được khám chữa bệnh chưa đầy đủ nên chỉ tiêu thực hiện 6 tháng đầu năm còn thấp.

- Chưa mở sổ theo dõi đối tượng có nguy cơ cao trong tầm soát về SLTS, SLSS, Tiền hôn nhân trên địa bàn.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Kiến nghị của Đoàn kiểm gia, giám sát:

- Khi thực hiện chính quyền 2 cấp, cán bộ y tế các xã/phường được giao nhiệm vụ phụ trách công tác dân số nên theo dõi cập nhật lại số liệu, thông tin theo đơn vị hành chính mới.

- Tham mưu với phòng văn hóa – xã hội trong việc thành lập lại BCĐ dân số và phát triển theo mô hình mới.

- Phối hợp với Ban bảo vệ khu phố nắm lại tình hình hộ, nhân khẩu để có cơ sở tham mưu phòng văn hóa – xã hội trong việc kiện toàn, củng cố và phát triển mạng lưới cộng tác viên sao cho phủ kín địa bàn.

- Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức họp giao ban cộng tác viên đầy đủ.

- Cộng tác viên cập nhật, thu thập thông tin hàng tháng đầy đủ, kịp thời.

- Cán bộ dân số cần xây dựng kế hoạch giám sát cộng tác viên về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp các BPTT tại cộng đồng theo Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục Dân số (Bộ Y tế).

2. Kiến nghị của Trạm Y tế xã/phường:

Không có.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát chỉ đạo tuyến xã/phường thực hiện công tác dân số 6 tháng đầu năm 2025.

***Nơi nhận:**

- BGĐ Trung tâm;
- Phòng KHN;
- TYT 10 xã/phường;
- Lưu: VT, PDS.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Thanh Tiến

